

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH

Số: 11 /TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Yên Thành, ngày 14 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO
giao số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp
trên địa bàn huyện năm 2025

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Thực hiện Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động tại cơ quan đơn vị trực thuộc quản lý của tỉnh Nghệ An; Quyết định số 3720/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về giao biên chế viên chức và hợp đồng thực hiện chuyên môn nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên và các Hội năm 2025;

UBND huyện Thông báo phân bổ số người làm việc đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện năm 2025.

(có danh sách cụ thể kèm theo)

UBND huyện thông báo cho các đơn vị liên quan được biết để thuận lợi trong các giao dịch đúng quy định. /

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT (Để báo cáo);
- Kho bạc nhà nước huyện Yên Thành;
- Trưởng các phòng: Nội vụ, TCKH, GD&ĐT;
- Hiệu trưởng các trường MN, TH, THCS;
- Lưu: VT, NV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vũ Tuấn Dũng

**DANH SÁCH PHÂN BỐ SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-UBND huyện ngày tháng năm 2025)

TT	Đơn vị	Tổng số người làm việc được phân bổ	Số người làm việc năm 2025							Ghi chú
			Tổng biên chế	Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước				Hưởng lương từ nguồn thu	Hợp đồng CMN V từ ngân sách huyện cấp	
				Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức chuyên môn	Nhân viên			
1	Văn hóa truyền thanh	20	20	1	2	16	1			
2	Trung tâm GDNN - GDTX	9	9	1	1	6	1			
3	Trường TC Nghề	22	17	1	2	13	1	5		
4	Trung tâm DVNN	18	15	1	2	11	1	3		
5	Ban quản lý dự án	15	15	1	2	10	2			
I	Khối Mầm non	1256	1 253	39	60	1 076	78		3	
1	MN Bắc Thành	27	27	1	1	23	2			
2	MN Bảo Thành	28	28	1	2	23	2			
3	MN Công Thành	29	29	1	2	24	2			
4	MN Đại Thành	21	21	1	1	17	2			
5	MN Đô Thành	47	46	1	2	41	2		1	
6	MN Đồng Thành	38	38	1	2	33	2			
7	MN Đức Thành	31	31	1	1	27	2			
8	MN Hậu Thành	28	28	1	2	23	2			
9	MN Hoa Thành	27	27	1	1	23	2			
10	MN Hồng Thành	34	34	1	1	30	2			
11	MN Hợp Thành	33	33	1	2	28	2			
12	MN Hùng Thành	27	27	1	1	23	2			
13	MN Khánh Thành	27	27	1	1	23	2			
14	MN Kim Thành	23	23	1	1	19	2			
15	MN Lãng Thành	38	38	1	2	33	2			
16	MN Liên Thành	29	29	1	1	25	2			
17	MN Long Thành	45	45	1	2	40	2			
18	MN Lý Thành	19	19	1	1	15	2			
19	MN Mã Thành	36	36	1	2	31	2			
20	MN Minh Thành	27	27	1	1	23	2			
21	MN Mỹ Thành	41	41	1	2	36	2			
22	MN Nam Thành	29	29	1	1	25	2			
23	MN Nhân Thành	38	37	1	1	33	2		1	
24	MN Phú Thành	35	35	1	1	31	2			
25	MN Phúc Thành	40	40	1	2	35	2			
26	MN Quang Thành	29	29	1	1	25	2			

TT	Đơn vị	Tổng số người làm việc được phân bổ	Số người làm việc năm 2025							Ghi chú
			Tổng biên chế	Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước				Hưởng lương từ nguồn thu	Hợp đồng CMN V từ ngân sách huyện cấp	
				Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức chuyên môn	Nhân viên			
27	MN Sơn Thành	35	35	1	2	30	2			
28	MN Tân Thành	32	32	1	2	27	2			
29	MN Tăng Thành	34	34	1	2	29	2			
30	MN Tây Thành	30	30	1	2	25	2			
31	MN Thị Trấn	30	30	1	2	25	2			
32	MN Thịnh Thành	31	31	1	1	27	2			
33	MN Thọ Thành	41	41	1	1	37	2			
34	MN Tiên Thành	31	31	1	1	27	2			
35	MN Trung Thành	30	30	1	2	25	2			
36	MN Văn Thành	34	33	1	2	28	2		1	
37	MN Viên Thành	36	36	1	2	31	2			
38	MN Vĩnh Thành	30	30	1	2	25	2			
39	MN Xuân Thành	36	36	1	2	31	2			
II	Khối Tiểu học	1 397	1 345	36	48	1 180	81	35	17	
1	PTCS Khánh Thành	31	28	0	1	26	1	2	1	
2	TH&THCS Bắc Thành	26	26	0	1	24	1			
3	TH&THCS Hậu Thành	29	28	0	1	26	1	1		
4	TH&THCS Hợp Thành	34	32	0	1	30	1	2		
5	TH&THCS Trung Thành	30	29	0	1	27	1	1		
6	TH Bảo Thành	36	34	1	1	30	2	1	1	
7	TH Công Thành 1	31	29	1	1	25	2	1	1	
8	TH Công Thành 2	30	29	1	1	25	2	1		
9	TH Đại Thành	20	20	1	1	16	2			
10	TH Đô Thành 1	39	37	1	1	32	3	1	1	
11	TH Đô Thành 2	36	34	1	1	30	2	2		
12	TH Đồng Thành	34	34	1	1	30	2			
13	TH Đức Thành	36	34	1	1	30	2	1	1	
14	TH Hồ Tông Thốc	41	38	1	1	33	3	3		
15	TH Hoa Thành	34	32	1	1	28	2	1	1	
16	TH Hồng Thành	35	34	1	1	30	2	1		
17	TH Hùng Thành	34	31	1	1	27	2	2	1	
18	TH Kim Thành	21	21	1	1	17	2			
19	TH Lăng Thành	43	39	1	2	34	2	3	1	
20	TH Liên Thành	30	30	1	1	26	2			
21	TH Long Thành	45	45	1	1	41	2			
22	TH Lý Thành	20	19	1	1	15	2		1	
23	TH Mã Thành	44	44	1	1	40	2			
24	TH Mỹ Thành	37	35	1	1	31	2	2		
25	TH Nam Thành	30	30	1	1	26	2			
26	TH Nhân Thành	35	35	1	1	31	2			
27	TH Phú Thành	39	36	1	1	32	2	2	1	
28	TH Phúc Thành	53	53	1	2	47	3			
29	TH Quang Thành	35	33	1	2	28	2	1	1	
30	TH Tân Thành	43	41	1	2	35	3	2		

TT	Đơn vị	Tổng số người làm việc được phân bổ	Số người làm việc năm 2025							Ghi chú
			Tổng biên chế	Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước				Hưởng lương từ nguồn thu	Hợp đồng CMN V từ ngân sách huyện cấp	
				Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức chuyên môn	Nhân viên			
31	TH Tăng Thành	39	38	1	1	34	2		1	
32	TH Tây Thành	36	35	1	2	30	2		1	
33	TH Thị trấn	30	30	1	1	26	2			
34	TH Thịnh Thành	27	26	1	1	22	2		1	
35	TH Tiên Thành	31	29	1	1	25	2	1	1	
36	TH Tô Bá Ngọc	28	27	1	1	23	2		1	
37	TH Trần Can	36	34	1	2	29	2	2		
38	TH Văn Thành	41	40	1	2	35	2	1		
39	TH Viên Thành	31	30	1	1	26	2	1		
40	TH Vĩnh thành	33	32	1	1	28	2		1	
41	TH Xuân Thành	34	34	1	1	30	2			
III	Khối THCS	1046	1 004	33	33	843	95	35	7	
1	PTCS Khánh Thành	28	25	1	1	21	2	2	1	
2	TH&THCS Bắc Thành	30	22	1	1	18	2	6	2	
3	TH&THCS Hậu Thành	21	21	1	1	17	2			
4	TH&THCS Hợp Thành	24	22	1	1	18	2	2		
5	TH&THCS Trung Thành	33	28	1	1	24	2	4	1	
6	THCS Bạch Liêu	36	36	1	1	30	4			
7	THCS Bảo Thành	27	26	1	1	21	3	1		
8	THCS Công Thành	41	40	1	1	35	3	1		
9	THCS Đại Minh	26	26	1	1	21	3			
10	THCS Đô Thành	50	48	1	1	43	3	2		
11	THCS Đồng Thành	28	28	1	1	23	3			
12	THCS Đức Thành	30	29	1	1	24	3		1	
13	THCS Hồ Tông Thốc	32	30	1	1	25	3	2		
14	THCS Hoàng Tá Thôn	34	34	1	1	29	3			
15	THCS Hùng Thành	32	31	1	1	26	3		1	
16	THCS Lăng Thành	26	26	1	1	21	3			
17	THCS Lê Doãn Nhã	24	23	1	1	18	3	1		
18	THCS Liên Lý	31	31	1	1	26	3			
19	THCS Mã Thành	47	47	1	1	42	3			
20	THCS Mỹ Thành	35	34	1	1	29	3	1		
21	THCS Nam Thành	29	28	1	1	23	3	1		
22	THCS Nhân Thành	34	33	1	1	28	3	1		
23	THCS Phan Đăng Lưu	46	46	1	1	41	3			
24	THCS Phú Hồng	49	49	1	1	44	3			
25	THCS Phúc Thành	36	34	1	1	29	3	2		
26	THCS Quang Thành	34	33	1	1	28	3	1		
27	THCS Tân Thành	27	27	1	1	22	3			
28	THCS Tây Thành	22	20	1	1	15	3	1	1	
29	THCS Thịnh Thành	19	18	1	1	13	3	1		
30	THCS Văn Thành	36	34	1	1	29	3	2		
31	THCS Viên Thành	21	21	1	1	16	3			

TT	Đơn vị	Tổng số người làm việc được phân bổ	Số người làm việc năm 2025							Ghi chú
			Tổng biên chế	Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước				Hưởng lương từ nguồn thu	Hợp đồng CMN V từ ngân sách huyện cấp	
				Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức chuyên môn	Nhân viên			
32	THCS Vĩnh Thành	28	25	1	1	20	3	3		
33	THCS Xuân Thành	30	29	1	1	24	3	1		
	Cộng I+II+III	3699	3 602	108	141	3 099	254	70	27	

UBND HUYỆN YÊN THÀNH

